Chi tiết mã HS 8512.30.99

Mã HS	8512.30.99
Mô tả hàng hóa	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ / - Thiết bị tín hiệu âm thanh: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 16:29:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85123099/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15233
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15233
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15233
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-PH, CN)	0% (trừ PH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-PH)	0% (trừ PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14537
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14478
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14478
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14478
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14478
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14478
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14478
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E14532
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14532
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14532

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14532
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14532
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14532
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14533
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14533
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14533
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14533
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14533
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14533
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14536
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14484
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14492
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14492
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14492
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14492
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14492
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14492
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14523
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14523
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14523
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14523
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14523
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14523
VCFTA	2022	2022	4	VC!D14578
VCFTA	2023	2023	2	VC!E14578
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14578

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14578
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14578
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14578
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14555
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14555
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14555
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14555
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14555
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14555
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D14555
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E14555
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F14555
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G14555
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H14555
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I14555
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D14570
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E14570
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F14570
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14570
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14570
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14570
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D14569
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E14569
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F14569
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14569
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14569

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14569
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14562
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14562
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14562
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14562
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14562
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14562
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14562
RCEP A	2022	2022	20	RCEPT-A!D14557
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E14557
RCEP A	2024	2024	20	RCEPT-A!F14557
RCEP A	2025	2025	20	RCEPT-A!G14557
RCEP A	2026	2026	20	RCEPT-A!H14557
RCEP A	2027	2027	20	RCEPT-A!I14557
RCEP B	2022	2022	20	B!D14557
RCEP B	2023	2023	20	B!E14557
RCEP B	2024	2024	20	B!F14557
RCEP B	2025	2025	20	B!G14557
RCEP B	2026	2026	20	B!H14557
RCEP B	2027	2027	20	B!I14557
RCEP C	2022	2022	*	C!D14557
RCEP C	2023	2023	*	C!E14557
RCEP C	2024	2024	*	C!F14557
RCEP C	2025	2025	*	C!G14557
RCEP C	2026	2026	*	C!H14557
RCEP C	2027	2027	*	C!I14557

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	20	D!D14556
RCEP D	2023	2023	20	D!E14556
RCEP D	2024	2024	20	D!F14556
RCEP D	2025	2025	20	D!G14556
RCEP D	2026	2026	20	D!H14556
RCEP D	2027	2027	20	D!I14556
RCEP E	2022	2022	20	E!D14560
RCEP E	2023	2023	20	E!E14560
RCEP E	2024	2024	20	E!F14560
RCEP E	2025	2025	20	E!G14560
RCEP E	2026	2026	20	E!H14560
RCEP E	2027	2027	20	E!I14560
RCEP F	2022	2022	20	F!D14557
RCEP F	2023	2023	20	F!E14557
RCEP F	2024	2024	20	F!F14557
RCEP F	2025	2025	20	F!G14557
RCEP F	2026	2026	20	F!H14557
RCEP F	2027	2027	20	F!I14557
VIFTA	2024	2024	16	VI!F13547
VIFTA	2025	2025	12	VI!G13547
VIFTA	2026	2026	8	VI!H13547
VIFTA	2027	2027	4	VI!I13547

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 20%, RCEP (Phụ lục B) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%, RCEP (Phụ lục F) 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8512.30 có 4 dòng thuế; dòng 8512.30.99 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8512.30.10 Còi, đã lắp ráp; 8512.30.20 Thiết bị tín hiệu âm thanh chưa lắp ráp; 8512.30.91 Thiết bị dò chướng ngại vật (cảnh báo) cho xe	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8512.30.99 có mã Chương 98 tương ứng 9849.30.39 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - - Loại khác	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8512.30.99. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8512.30.99 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15233), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.